



**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**



**BÀI GIẢNG MÔN**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ  
BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG  
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Giảng viên:**

**TS. Lê Minh Toàn**

**Điện thoại/E-mail:**

**[toanlm@ptit.edu.vn](mailto:toanlm@ptit.edu.vn)**

**Bộ môn:**

**Kinh tế - Khoa QTKD1**

**Học kỳ/Năm biên soạn: I/2009**

## **CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ INTERNET**

### **I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ INTERNET**

#### **1. Quá trình hình thành và phát triển của thị trường**

Tháng 11/1997, Việt Nam chính thức khai trương dịch vụ Internet

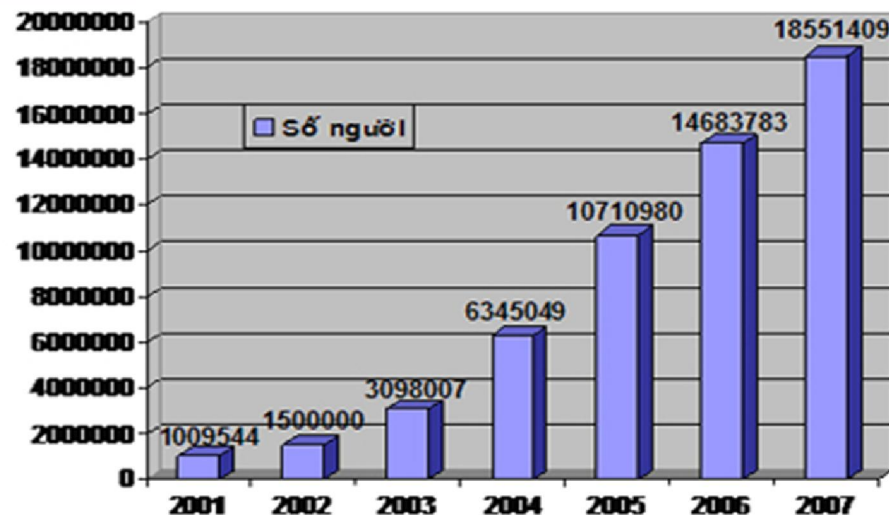
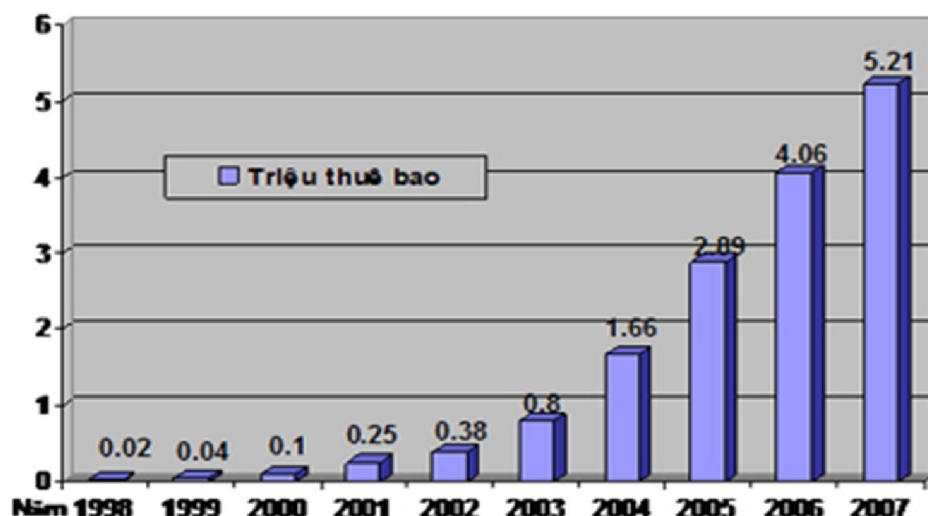
Năm 2002, để tạo động lực cạnh tranh, nhà nước không còn cho phép VNPT độc quyền khai thác hạ tầng kỹ thuật và cho phép thành lập các IXP khác.

Tháng 5/2003, dịch vụ Internet băng thông rộng, gọi tắt là ADSL, được chính thức tung ra thị trường.

Sau mười hai năm hoạt động (1997-2009), Internet Việt Nam đã có hơn 22,47 triệu người sử dụng thường xuyên, chiếm 26,2% dân số, vượt mức trung bình của thế giới và châu Á. Việt Nam là nước triển khai khá sớm nhiều dịch vụ Internet hiện đại như điện thoại Internet, Wimax, Wifi.

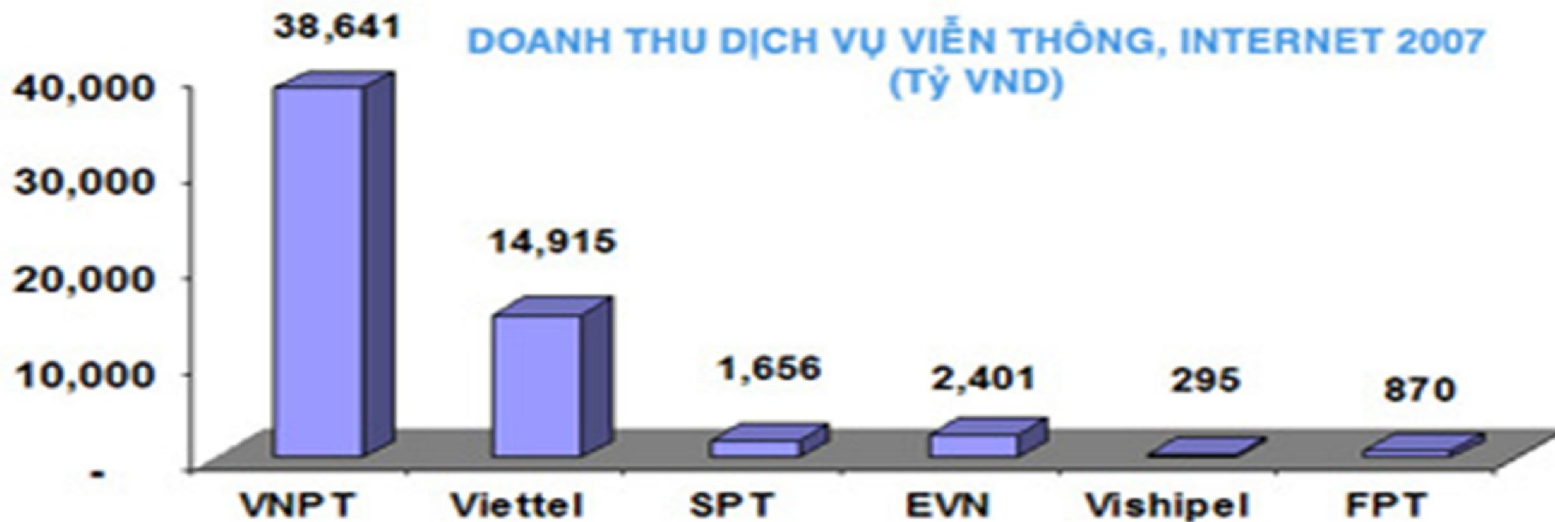
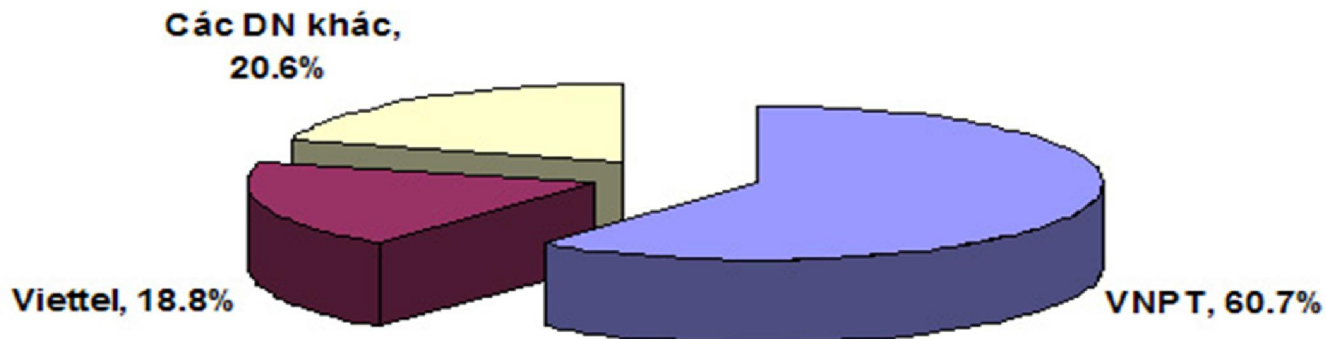
## Tổng quan Thị trường Internet ở Việt Nam

1. Số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet: 64
2. Số người sử dụng Internet: 22,47 triệu (11/2009)
3. Mật độ sử dụng: 26,2% dân số
4. Thị phần: VNPT (76,6%), Viettel (10,3%), FPT (8,3%)....



# BÀI GIẢNG MÔN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BC, VT& CNTT

## THỊ PHẦN THUÊ BAO INTERNET BẰNG RỘNG ADSL, xDSL 2007



## 1. Chính sách quản lý và phát triển Internet

- Khuyến khích việc ứng dụng Internet trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội để nâng cao năng suất lao động; mở rộng các hoạt động thương mại; hỗ trợ cải cách hành chính, tăng tiện ích xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và bảo đảm an ninh, quốc phòng.
- Thúc đẩy việc ứng dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn pháp luật về Internet. Có biện pháp để ngăn chặn những hành vi lợi dụng Internet gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm các quy định của pháp luật và để bảo vệ trẻ em khỏi tác động tiêu cực của Internet.
- Phát triển Internet với đầy đủ các dịch vụ có chất lượng cao và giá cước hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Khuyến khích tăng cường đưa thông tin tiếng Việt lên Internet.
- Tên miền quốc gia “.vn”, địa chỉ Internet và số hiệu mạng Internet do Việt Nam quản lý là một phần của tài nguyên thông tin quốc gia, cần phải được quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Khuyến khích và tạo điều kiện để sử dụng rộng rãi tên miền quốc gia “.vn” và thể hệ địa chỉ Internet IPv6.
- Bí mật đối với các thông tin riêng trên Internet của tổ chức, cá nhân được bảo đảm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc kiểm soát thông tin trên Internet phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.
- Internet Việt Nam là một bộ phận quan trọng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, được bảo vệ theo pháp luật, không ai được xâm phạm. Bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thiết bị và thông tin điện tử trên Internet là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mọi tổ chức và cá nhân.

## 2. Quản lý nhà nước về Internet

### 2.1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

- a) Xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch phát triển Internet;
- b) Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cấp phép cung cấp dịch vụ; kết nối; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chất lượng; giá cước; tài nguyên Internet; an toàn thông tin; cấp phép báo điện tử, xuất bản trên mạng Internet và các quy định quản lý thông tin điện tử trên Internet;
- c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý và thực thi pháp luật đối với hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet; thiết lập, cung cấp và sử dụng thông tin điện tử trên Internet, bao gồm cấp phép, đăng ký, báo cáo, thống kê, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;
- d) Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về Internet.

**2.2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet bao gồm:**

- a) Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về an ninh thông tin trong hoạt động Internet;**
- b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành liên quan, với chính quyền địa phương và các doanh nghiệp viễn thông, Internet tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ đảm bảo an ninh quốc gia và phòng, chống tội phạm đối với hoạt động Internet;**
- c) Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về đảm bảo an ninh thông tin trong lĩnh vực Internet theo thẩm quyền;**
- d) Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong việc đảm bảo an ninh thông tin trên lĩnh vực Internet.**



2.3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính để thúc đẩy việc sử dụng Internet trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu và đưa Internet đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn việc thực hiện các quy định về phí, lệ phí liên quan đến tài nguyên Internet.

2.4. Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về mật mã dân sự đối với các thông tin cần được bảo mật trong các hoạt động thương mại, dân sự trên Internet.

2.5. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các quy định; triển khai thực hiện quản lý đối với việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

2.6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình thực hiện quản lý nhà nước về Internet tại địa phương phù hợp với các quy định tại Nghị định 97.

## **I. CÁC BÊN THAM GIA CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET**

### **1. DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET**

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET (ISP) LÀ DOANH NGHIỆP THUỘC MỌI THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET CHO CÔNG CỘNG.

### **2. Chủ mạng Internet dùng riêng**

Chủ mạng Internet dùng riêng là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam thiết lập mạng Internet dùng riêng theo quy định. Thành viên của mạng là thành viên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng. Tư cách thành viên được xác định theo điều lệ hoạt động, văn bản quy định cơ cấu, tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó hoặc các quy định pháp lý liên quan khác.

## 3. Đại lý Internet

Đại lý Internet là tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân danh doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet để cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông cho người sử dụng thông qua hợp đồng đại lý và hưởng thù lao.

Các tổ chức, cá nhân là chủ các khách sạn, nhà hàng, văn phòng, sân bay, bến xe, v.v... khi cung cấp dịch vụ Internet cho người sử dụng không thu cước dịch vụ trong phạm vi các địa điểm nói trên đều phải ký hợp đồng đại lý với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và thực hiện đầy đủ các quy định về đại lý, trừ các quy định liên quan đến giá cước đối với người sử dụng dịch vụ.

## **4. Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng**

Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng là doanh nghiệp viễn thông được cấp Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

## **5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến**

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến là doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam để cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến cho công cộng.

## **6. Người sử dụng dịch vụ Internet**

Người sử dụng dịch vụ Internet là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet hoặc với đại lý Internet để sử dụng dịch vụ Internet.

## **II. QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET**

### **1. CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET**

CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET CHO CÔNG CỘNG SAU KHI CÓ GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ DO BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CẤP.

NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP NÀY THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH TẠI LUẬT VT.

## 2. Cấp phép thiết lập mạng Internet dùng riêng

Các mạng Internet dùng riêng phải có Giấy phép thiết lập mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp:

a) Mạng Internet dùng riêng mà các thành viên của mạng là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có cùng tính chất hoạt động hay mục đích công việc và được liên kết với nhau thông qua điều lệ hoạt động hoặc văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên;

b) Mạng Internet dùng riêng có đường truyền tự xây dựng.

Ngoài các mạng Internet dùng riêng quy định này, các mạng Internet dùng riêng khác không cần phải có Giấy phép thiết lập mạng nhưng phải tuân theo các quy định của pháp luật về kết nối, tiêu chuẩn, chất lượng, giá cước, tài nguyên Internet và an toàn, an ninh thông tin.

Nguyên tắc, điều kiện, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và thu hồi Giấy phép thiết lập mạng Internet dùng riêng thực hiện theo các quy định tại Luật VT.

## III. QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET

### 1. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

- VIỆC THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ, VIỆC CUNG CẤP, TRUYỀN ĐƯA, LƯU TRỮ, SỬ DỤNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET PHẢI TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ, PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ, PHÁP LUẬT VỀ XUẤT BẢN, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC, PHÁP LUẬT VỀ BẢN QUYỀN, PHÁP LUẬT VỀ QUẢNG CÁO VÀ CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET.

- CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO ĐIỆN TỬ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BÁO CHÍ ĐƯỢC THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ.

- CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP THIẾT LẬP TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP PHẢI CÓ GIẤY PHÉP DO BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

- Các tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử và sử dụng Internet để cung cấp dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định liên quan tại Nghị định 97.

Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thiết lập các trang thông tin điện tử không thuộc các đối tượng trên đây thì không cần giấy phép và không cần đăng ký, nhưng phải tuân theo các quy định tại Nghị định 97 và các quy định về quản lý thông tin điện tử trên Internet.



## 2. Cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

### 2.1. Điều kiện cấp phép

- a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật tại Việt Nam;
- b) Có đủ phương tiện kỹ thuật, nhân sự, chương trình quản lý phục vụ cho việc thiết lập, cung cấp và quản lý thông tin phù hợp với quy mô hoạt động;
- c) Cam kết của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung trang thông tin điện tử và tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định về quản lý thông tin điện tử trên Internet.

## 2.2. Hồ sơ cấp phép

Hồ sơ cấp phép được lập thành 02 bộ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, có nội dung cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định về quản lý thông tin điện tử trên Internet;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập;
- c) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp;
- d) Đề án thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp gồm những nội dung chính sau:
  - Mục đích cung cấp thông tin; nội dung thông tin; các chuyên mục; nguồn tin hợp pháp; quy trình xử lý tin, nhân sự, mẫu bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính;
  - Loại hình dịch vụ dùng để cung cấp hoặc trao đổi thông tin (website, forum, blog v.v);
  - Biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm cho việc cung cấp và quản lý thông tin;
  - Tên miền dự kiến sử dụng.

## IV. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN INTERNET

### 1. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI

*“ TÀI NGUYÊN INTERNET LÀ MỘT PHẦN CỦA TÀI NGUYÊN THÔNG TIN QUỐC GIA, ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG INTERNET PHẢI ĐƯỢC QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH VÀ CÓ HIỆU QUẢ”.*

**PHÂN LOẠI:** TÀI NGUYÊN INTERNET BAO GỒM HỆ THỐNG CÁC TÊN VÀ SỐ DÙNG CHO INTERNET ĐƯỢC ÁN ĐỊNH THỐNG NHẤT TRÊN PHẠM VI TOÀN CẦU. TÀI NGUYÊN INTERNET BAO GỒM:

- **TÊN MIỀN (DN):** LÀ TÊN ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ ĐỊNH DANH CÁC ĐỊA CHỈ INTERNET, BAO GỒM:

+ **TÊN MIỀN CẤP CAO NHẤT:** TÊN MIỀN CẤP CAO NHẤT (TLD) GỒM TÊN MIỀN CHUNG CẤP CAO NHẤT (GTLD) VÀ TÊN MIỀN QUỐC GIA

CẤP CAO NHẤT (CCTLD)

GIẢNG VIÊN: TS. LÊ MINH TOÀN

BỘ MÔN: KINH TẾ - KHOA QTKD1

TRANG 19

TÊN MIỀN CHUNG CẤP CAO NHẤT (GTLD) GỒM GOM NET, EDU

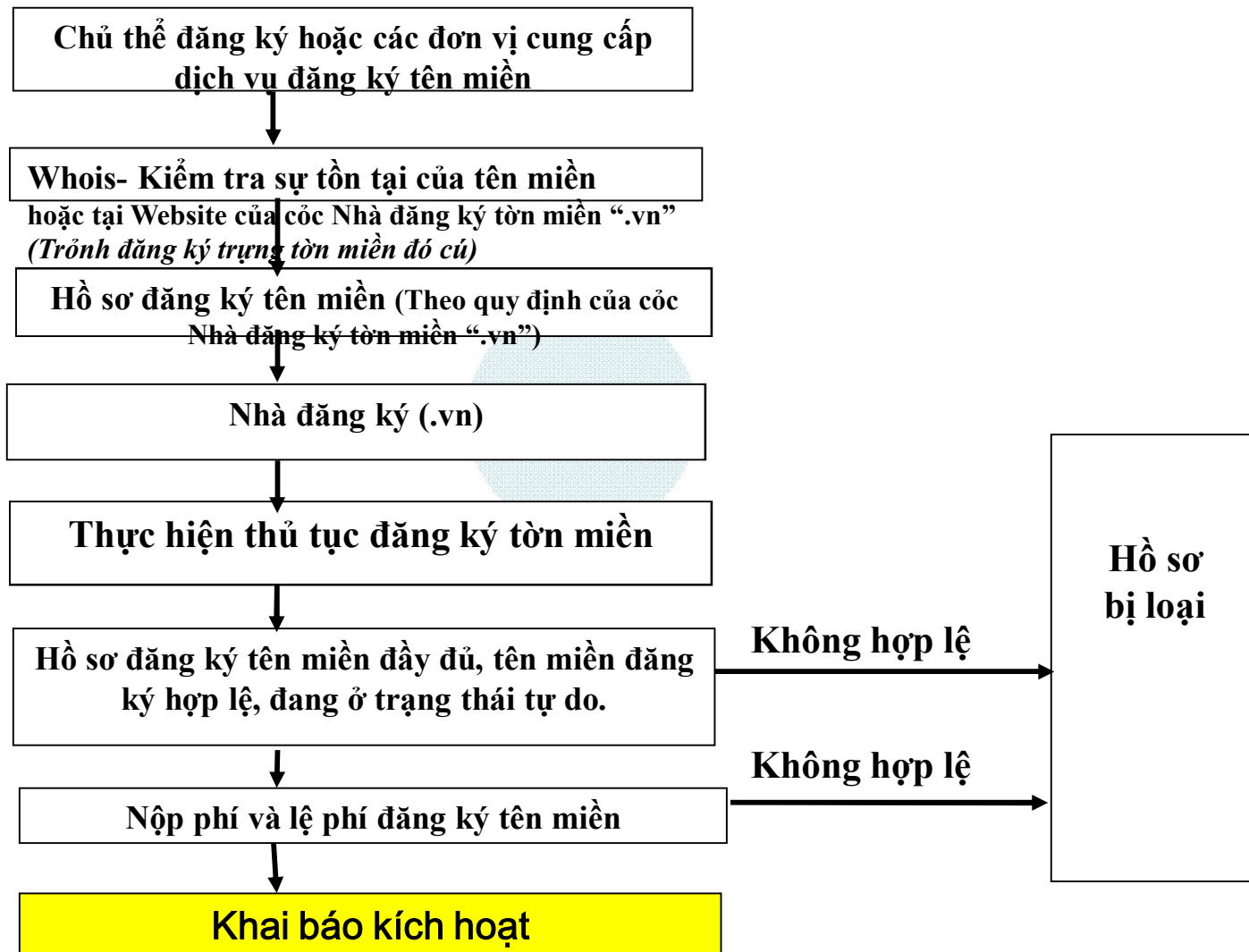
*Tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD)* bao gồm các tên miền được quy định theo tiêu chuẩn quốc tế về mã quốc gia (ISO 3166). Các tên miền quốc gia cấp cao nhất thay đổi khi có thêm các quốc gia, lãnh thổ mới hoặc khi sáp nhập các quốc gia lại với nhau.

+ Tên miền cấp 2, cấp 3, cấp 4, cấp 5 là các tên miền theo trật tự nằm dưới tên miền cấp cao nhất.

- **Địa chỉ Internet** (địa chỉ IP) là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thể hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thể hệ địa chỉ mới sẽ được sử dụng trong tương lai.

- **Số hiệu mạng** (ASN) là số sử dụng để định danh một mạng máy tính tham gia vào các hoạt động định tuyến chung trên Internet.

## Quy trình Đăng ký tên miền





1. Thành viên VNNIC có nhu cầu đăng ký địa chỉ IP

2. Tham khảo các tài liệu hỗ trợ trên website của VNNIC

[Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet của VNNIC](#)

[Quy định Hướng dẫn việc đăng ký và quản lý, sử dụng địa chỉ IPv4 tại Việt Nam](#)

[Biểu thức thu phí, lệ phí và quản lý tên miền, địa chỉ Internet ở Việt Nam.](#)

[Đơn xin cấp địa chỉ IP](#)

[Hướng dẫn khai đơn xin cấp địa chỉ IP](#)

3. Download và hoàn thiện đơn xin cấp địa chỉ IP

4. Gửi tới VNNIC qua đường công văn kèm theo các tài liệu sau: Sơ đồ cấu hình; Bảng tổng hợp thông tin sử dụng địa chỉ IP (đối với trường hợp đăng ký thêm); Hóa đơn, chứng từ thiết bị

5. VNNIC thẩm định hồ sơ trong vòng năm ngày

Bổ sung hồ sơ

6. VNNIC gửi giấy báo nộp phí đăng ký cho vùng địa chỉ thành viên yêu cầu

7. Thành viên nộp phí

8. VNNIC gửi yêu cầu xin cấp IP của thành viên lên APNIC

9. VNNIC nhận vùng địa chỉ sẽ cấp cho thành viên từ APNIC

10. VNNIC cấp địa chỉ cho thành viên

Asia Pacific  
Network  
Information  
Centre



**Tổ chức A là thành viên đầy đủ của VNNIC, hiện đang sở hữu tài nguyên địa chỉ do VNNIC cấp**

**Có nhu cầu xin cấp số hiệu mạng ASN**

**Đọc các tài liệu sau: Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet; Quy định về mức phí yêu cầu tài nguyên; Đơn xin đăng ký số hiệu mạng ASN; Hướng dẫn khai đơn xin đăng ký số hiệu mạng ASN**

**Hoàn thiện Đơn xin đăng ký số hiệu mạng ASN**

**Gửi tới VNNIC qua đường công văn các tài liệu cần thiết**

**VNNIC giải quyết trong vòng 15 ngày**

**Chấp nhận**

**Từ chối**

**VNNIC gửi công văn thu phí cho vùng tài nguyên tổ chức yêu cầu**

**Tổ chức đóng phí**

**VNNIC gửi công văn cấp tài nguyên và yêu cầu chủ thể chủ động báo cáo về việc sử dụng số lượng địa chỉ IP được cấp**

**Trả lại số hiệu mạng ASN (Không còn nhu cầu sử dụng)**

**Gửi tới VNNIC qua đường công văn Đơn xin trả lại số hiệu mạng ASN**

**VNNIC xét hồ sơ trả lại số hiệu mạng ASN và thông báo cho tổ chức hoàn thiện các thủ tục cần thiết**

**Tổ chức trả lại tài nguyên cho VNNIC**

**VNNIC gửi thông báo từ chối và nêu rõ nguyên nhân**